

Nâng cao thu nhập cho hộ gia đình ở các xã biên giới tỉnh Tây Ninh

Đinh Phi Hồ

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - dinhphiho@gmail.com

Trương Châu

Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM - truongchau77@gmail.com

Ngày nhận:	Tóm tắt
16/04/2014	Kể từ khi VN chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận dân cư, nhất là những hộ gia đình nông thôn ở vùng biên giới còn nhiều khó khăn, thu nhập thấp hơn nhiều so với vùng khác. Thực tế đó cho thấy việc tìm kiếm các giải pháp có căn cứ khoa học nhằm nâng cao thu nhập là thách thức cho các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách ở VN. Nghiên cứu tiến hành sử dụng số liệu sơ cấp, điều tra 200 hộ gia đình ở 10 xã trên 5 huyện của tỉnh Tây Ninh trong năm 2013. Trên cơ sở của mô hình hồi quy tuyến tính, kết quả xác định được thu nhập của hộ gia đình ở vùng biên giới phụ thuộc vào: (1) Trình độ văn hóa của chủ hộ; (2) Quy mô hộ; (3) Quy mô diện tích đất nông nghiệp của hộ; (4) Số hoạt động tạo thu nhập; và (5) Kinh nghiệm của chủ hộ.
Ngày nhận lại:	
19/05/2014	
Ngày duyệt đăng:	
16/06/2014	
Mã số:	
0514-O-09	

Từ khóa:	Abstract
Thu nhập của hộ gia đình, vùng biên giới Tây Ninh, hồi quy tuyến tính, kiểm định White.	After Vietnam's accession to the WTO, its economy kept growing and its living standard is improved. Many groups, especially households in border districts, still face difficulties and their income is much lower than that in other provinces. This situation shows that finding scientific solutions to improvement in personal income in such district is really a challenge to researchers and policy makers in Vietnam. This research employs firsthand data from a survey of 200 households in 10 communes of five border districts of Tây Ninh Province conducted in 2013 and the linear regression model to identify nature of relationship between variables. The research finds that the household income in border communes is affected by: (i) Education of householder; (ii) Household size; (iii) Landholding; (iv) Income-generating activities; and (v) Householder's experience.
Keywords:	
Household income, Tây Ninh border districts, linear regression, White test	

1. GIỚI THIỆU

Tây Ninh là một tỉnh miền Đông Nam Bộ thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, chuyển tiếp giữa vùng núi và cao nguyên Trung Bộ xuống Đồng bằng sông Cửu Long. Tây Ninh có 5 huyện biên giới, gồm 20 xã biên giới với tổng diện tích tự nhiên 1.555,86 km², chiếm 38,4% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Năm 2010, tỉ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 3%; thấp hơn bình quân chung của cả nước 3 lần (9,45%); trong khi đó tỉ lệ hộ nghèo 20 xã biên giới chiếm 8,27%; cao gấp 2,75 lần so với tỉ lệ hộ nghèo toàn tỉnh. Thu nhập bình quân hộ gia đình ở các xã biên giới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh còn rất thấp so với mặt bằng chung của toàn tỉnh, đời sống vật chất còn nhiều khó khăn (UBND tỉnh Tây Ninh, 2011). Khi thu nhập còn thấp thì người dân dễ bị lôi kéo vào các hoạt động phạm pháp như buôn lậu, tàng trữ hàng lậu và liên quan nhiều vấn đề chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng. Thực trạng đó đặt ra áp lực lớn cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh nói chung và các xã biên giới của tỉnh nói riêng. Vì vậy, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình sẽ là chìa khóa giúp nâng cao thu nhập và ổn định sinh kế bền vững cho nhân dân ở các xã biên giới. Đây cũng là thách thức cho các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách ở VN. Do đó, bài viết tập trung vào 2 vấn đề chính: Mô hình định lượng các yếu tố ảnh hưởng, và gợi ý các giải pháp nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình.

2. KHUNG LÝ THUYẾT CỦA MÔ HÌNH ĐỊNH LƯỢNG

Mô hình lý thuyết

Theo Park (1992), năng suất lao động là điều kiện để thay đổi thu nhập. Như vậy các nhân tố tác động đến năng suất lao động cũng chính là tác động đến thu nhập. Cùng quan điểm này, Mankiw (2003) cho rằng sự khác biệt thu nhập giữa các nước chính là do chênh lệch về năng suất lao động. Trong khi đó Barker (2002) nhận định năng suất lao động nông nghiệp phụ thuộc vào năng suất đất (Giá trị tổng sản phẩm tính trên 1 ha đất nông nghiệp) và quy mô đất (Diện tích đất nông nghiệp tính trên một lao động nông nghiệp). Mincer (1974) giải thích thu nhập của hộ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố: Trình độ học vấn, kinh nghiệm nghề nghiệp và giới tính của chủ hộ. Theo Scoones (1998) những yếu tố tác động đến thu nhập của hộ gia đình bao gồm: Vốn tự nhiên, vốn tài chính, vốn con người và vốn xã hội. Vốn tự nhiên bao gồm đất đai, nước, không khí... là cơ sở cho tất cả các hoạt động kinh tế của con người. Vốn tài chính bao gồm các khoản tiết kiệm và tín dụng, cho biết khả năng của một hộ gia đình để tiết kiệm và tiếp cận tín dụng cho đầu tư trong bất kì các hoạt động tạo thu nhập.

Vốn con người mô tả các yếu tố như giáo dục, lực lượng lao động và giới tính. Nguồn vốn này được khai thác sử dụng trong quá trình người lao động tham gia sản xuất và được phản ánh qua năng suất lao động và hiệu quả công việc của họ. Vốn xã hội bao gồm phần lớn sự hợp tác xây dựng giữa những con người với nhau: Sự tin tưởng, hiểu biết lẫn nhau và chia sẻ những giá trị đạo đức, phong cách nối kết những thành viên trong các tập đoàn, các cộng đồng. Bên cạnh đó, Karttunen (2009) nhận thấy nguồn lực vốn con người của hộ gia đình và các yếu tố nhân khẩu xã hội như giới tính, trình độ học vấn của chủ hộ cùng với tỉ lệ phụ thuộc ảnh hưởng đến thu nhập của hộ. Ở nông thôn, các hoạt động nông nghiệp là chủ yếu, tuy nhiên các hoạt động này thường theo mùa vụ và phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên. Việc đa dạng hoá nguồn thu nhập từ nhiều hoạt động sản xuất giúp hộ gia đình nông thôn có thể giảm thiểu rủi ro và cải thiện thu nhập. Schwarze (2004), Reardon & cộng sự (1992) cho rằng các vùng nông thôn ngày nay đã từng bước tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp, và góp phần tăng thu nhập.

3. MÔ HÌNH ĐỊNH LƯỢNG

- Mô hình ước lượng

Trên cơ sở tổng quan về lí thuyết kinh tế học và các công trình nghiên cứu thực nghiệm, khung lí thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Khung lí thuyết các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập

Biến số	Diễn giải	Nguồn	Kì vọng dấu
Y: Biến phụ thuộc (THUNHAP)	Thu nhập bình quân/người/năm (Triệu đồng)	Park (1992), Mankiw (2003), Scoones (1998), Mincer (1974)	
X ₁ : Nghề nghiệp của chủ hộ (NGHE)	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp	Scoones (1998)	(+)
X ₂ : Kinh nghiệm làm việc của chủ hộ (KNGHIEM)	Số năm làm việc của chủ hộ (năm)	Mincer (1974)	(+)
X ₃ : Trình độ học	Số năm đi học của chủ hộ (năm)	Mincer (1974)	(+)

vấn của chủ hộ (HVAN)			
X ₄ : Giới tính của chủ hộ (GTINH)	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là nam, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là nữ	Karttunen (2009)	(+)
X ₅ : Thành phần dân tộc của chủ hộ (DTC)	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là người Kinh, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là người dân tộc thiểu số	Karttunen (2009)	(+)
X ₆ : Quy mô hộ (QMOHO)	Số người sống trong hộ, không tính đến người làm thuê, ở nhờ	Karttunen (2009)	(-)
X ₇ : Tỷ lệ phụ thuộc (PHUTHUOC)	Đo lường bởi tỷ lệ phần trăm tổng số người không nằm trong độ tuổi lao động trong tổng số người trong độ tuổi lao động (%)	Karttunen (2009)	(-)
X ₈ : Quy mô diện tích đất (DTICH)	Diện tích đất sản xuất của hộ (m ²)	Scoones (1998)	(+)
X ₉ : Số hoạt động tạo thu nhập (DADANG)	Số hoạt động tạo thu nhập của hộ	Reardon & cộng sự (1992), Schwarze (2004)	(+)
X ₁₀ : Vay vốn (VAY)	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu hộ có vay vốn từ các định chế chính thức, nhận giá trị 0 nếu hộ không vay vốn	Scoones (1998)	(+)

Mô hình định lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình được giả định như sau:

$$Y = f(X_1, X_2, X_3, \dots, X_{10}) \quad (1)$$

Hàm ước lượng:

$$Y = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + b_3X_3 + b_4X_4 + b_5X_5 + b_6X_6 + b_7X_7 + b_8X_8 + b_9X_9 + b_{10}X_{10} + u \quad (2)$$

Trong đó:

Y: biến phụ thuộc; X₁, X₂, X₃, X₄, X₅, X₆,...X₁₀ là các biến độc lập; u là phần dư.

- Dữ liệu và quy mô mẫu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu sơ cấp qua việc phỏng vấn trực tiếp hộ gia đình, chọn mẫu theo phương pháp thuận tiện trên địa bàn 10 xã biên giới thuộc 5 huyện ở tỉnh Tây Ninh.

Theo Green (1991), và Tabachnick & Fidell (2007), nếu là dữ liệu chéo (Cross-Sectional Data) thì số quan sát tối thiểu là $n \geq 50 + 5P$ (P là số biến độc lập). Do mô hình có 10 biến độc lập nên số quan sát tối thiểu $n = 100$. Nghiên cứu chọn số quan sát là 200 hộ gia đình. Số quan sát được phân bổ trên 10 xã (Bảng 2).

Bảng 2. Huyện, xã khảo sát

Huyện	Xã	Huyện	Xã
Trảng Bàng	Bình Thạnh	Tân Châu	Tân Đông
	Phước Chi		Tân Hoà
Tân Biên	Tân Lập	Châu Thành	Biên Giới
	Hoà Hiệp		Hoà Thạnh
Bến Cầu	Long Thuận		
	Lợi Thuận		

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Hệ thống kiểm định

Bảng 3. Hệ số hồi quy

	Hệ số chưa được chuẩn hóa		Hệ số được chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
	B	Lỗi tiêu chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
Hằng số	65,286	14,721		4,435	0		
Nghề nghiệp chủ hộ (NGHE)	7,69	6,7	0,085	1,148	0,253	0,736	1,35
Số năm làm việc của chủ hộ (KNGHIEM)	1,071	0,422	0,174	2,534	0,012	0,844	1,18

Giới tính của chủ hộ (GTINH)	-0,019	0,799	-0,002	-0,023	0,981	0,852	1,17
Trình độ học vấn của chủ hộ (HVAN)	19,643	10,01	0,171	1,962	0,05	0,524	1,90
Thành phần dân tộc của chủ hộ (DTOC)	2,549	9,867	0,017	0,258	0,796	0,94	1,06
Số người trong hộ (QMOHO)	-5,315	2,459	-0,152	-2,161	0,032	0,804	1,24
Tỉ lệ người sống phụ thuộc (PHUTHUOC)	-0,085	0,052	-0,112	-1,649	0,101	0,864	1,15
Diện tích đất nông nghiệp của hộ (DTICH)	0,001	0,001	0,222	2,968	0,003	0,715	1,39
Số hoạt động đa năng tạo thu nhập của hộ (DADANG)	4,447	1,274	0,227	3,489	0,001	0,945	1,05
Vay vốn từ định chế chính thức (VAY)	1,283	8,102	0,014	0,158	0,874	0,548	1,82

R² hiệu chỉnh: 0,205

ANOVA: Giá trị F: 6,11; Sig. : 0,000

Durbin Watson: 1,929

Bảng 3 cho biết các biến NGHE, GTINH, DTOC, PTHUOC và VAY có mức ý nghĩa (Sig.) > 0,05. Những biến này tương quan không có ý nghĩa với biến THUNHAP. Các biến KNGHIEM, HVAN, QMOHO, DTICH, DADANG có Sig. ≤ 0,05. Những biến này tương quan có ý nghĩa với biến THUNHAP. Hệ số xác định (R² hiệu chỉnh) là 0,205, cho biết 20,5% thay đổi của thu nhập của hộ gia đình được giải thích bởi các biến độc lập của mô hình. Mức ý nghĩa của ANOVA là 0,0001. đảm bảo mô hình hồi quy tuyến tính lựa chọn là phù hợp. Độ phóng đại phương sai

(Variance Inflation of Factor, VIF) của các hệ số hồi quy đều nhỏ hơn 10, không có hiện tượng đa cộng tuyến của các biến độc lập. Giá trị thống kê Durbin-Watson = 1,929 > $D_U = 1,874$ (số tham số $[k-1] = 10$, mức ý nghĩa 0,05 trong bản thống kê Durbin-Watson). Như vậy mô hình không có hiện tượng tự tương quan. Kiểm định White cho thấy R^2 của mô hình hồi quy phụ là 0,084, với hệ số White: $nR^2 = 200 \cdot 0,084 = 16,8$. Giá trị tới hạn của χ^2 (Số tham số = 17 của mô hình hồi quy phụ, mức ý nghĩa 0,05 trong bản phân phối χ^2) là 27,59. Do đó, $nR^2 < 27,59$, không có hiện tượng phương sai phân dư thay đổi.

- Thảo luận kết quả hồi quy

Đối với các hệ số hồi quy có ý nghĩa thống kê (Bảng 3), cột hệ số hồi quy chưa được chuẩn hóa, có ý nghĩa như sau:

$B_{KNGHIEM} = 1,071$: Có quan hệ cùng chiều với thu nhập, với giả định các yếu tố khác không đổi khi chủ hộ có thêm 1 năm kinh nghiệm, thu nhập của hộ sẽ tăng thêm 1,071 triệu đồng.

$B_{HVAN} = 19,643$: Có quan hệ cùng chiều với thu nhập, khi chủ hộ có trình độ học vấn tăng thêm 1 năm học, thu nhập của hộ sẽ tăng thêm 19,643 triệu đồng.

$B_{QMOHO} = -5,315$: Có quan hệ nghịch chiều với thu nhập, khi hộ có thêm 1 người, thu nhập của hộ sẽ giảm bớt 5,315 triệu đồng.

$B_{DTICH} = 0,001$: Có quan hệ cùng chiều với thu nhập, khi hộ có thêm $1m^2$ đất nông nghiệp, thu nhập của hộ sẽ tăng thêm 0,001 triệu đồng.

$B_{DADANG} = 4,447$: Có quan hệ cùng chiều với thu nhập, khi hộ gia đình có thêm một hoạt động khác tạo thêm thu nhập, thu nhập của hộ sẽ tăng thêm 4,447 triệu đồng.

Trong Bảng 3, cột hệ số hồi quy được chuẩn hóa, các hệ số hồi quy có ý nghĩa thống kê cho thấy vai trò tác động đến thu nhập của từng yếu tố.

Bảng 4. Vai trò tác động

	Giá trị tuyệt đối Beta	%	Vai trò
Số năm làm việc của chủ hộ	0,174	18,4	3
Trình độ học vấn	0,171	18,1	4
Số người trong hộ	0,152	16,1	5
Diện tích đất nông nghiệp của hộ	0,222	23,5	2

Số hoạt động đa dạng tạo thu nhập của hộ	0,227	24,0	1
Tổng số	0,946	100	

Nguồn: Theo tính toán của tác giả

Qua các kiểm định của mô hình hồi quy, có thể khẳng định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở vùng biên giới theo thứ tự tầm quan trọng là: DADANG, DTICH, KNGHIEM, HVAN, QMOHO.

Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập có dạng như sau:

$$Y = 68,02 + 1,193KNGHIEM + 21,498HVAN - 6,47QMOHO + 0,001DTICH + 4,786DADANG$$

5. GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Kết quả nghiên cứu dẫn tới một số gợi ý chính sách nhằm nâng cao thu nhập của hộ gia đình ở các xã biên giới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:

Một là, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, khuyến khích đa dạng hoá các hoạt động tạo thu nhập cho hộ gia đình ở khu vực nông thôn.

Khảo sát thực tế cho thấy tại các xã biên giới, nông nghiệp là ngành sản xuất chính, chủ yếu là trồng trọt. Sản xuất công nghiệp tập trung vào các ngành chế biến nông sản (mủ cao su, mì, mía...). Hoạt động thương mại dịch vụ chủ yếu phục vụ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh xuất nhập khẩu ở các cửa khẩu biên giới, phục vụ mua bán của nhân dân trong xã và cư dân trao đổi hàng hoá qua lại biên giới. Vì vậy, việc tạo điều kiện cho lao động nông nghiệp chuyển dần sang lao động phi nông nghiệp như lao động công nghiệp hay thương mại dịch vụ là rất cần thiết. Một số giải pháp cụ thể để phát triển, đa dạng hoá ngành nghề là như sau:

- Đầu tư nâng cấp và mở rộng trung tâm dạy nghề tại các huyện biên giới nhằm mở rộng các ngành nghề đào tạo và thu hút nhiều lao động vào học các ngành nghề phi nông nghiệp để giúp họ có khả năng chuyển đổi ngành nghề. Củng cố và nâng cao chất lượng Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, cần chú trọng đào tạo theo nhu cầu thị trường và theo nguyện vọng của người lao động; đồng thời phải có mối liên kết mật thiết với các doanh nghiệp có nhu cầu để tạo điều kiện cho người lao động học xong là có công ăn việc làm ổn định.

- Tại các xã biên giới, ngành sản xuất chính là trồng trọt; sản xuất công nghiệp tập trung vào các ngành chế biến nông sản. Vì vậy, lĩnh vực dạy nghề cần tập trung đào tạo: Kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác các loại cây, nhất là cao su, mì, mía; ngành nghề dệt may, da giày và ngành nghề truyền thống như bánh tráng, muối ớt, mây tre đan, làm nón, làm nhang... để lao động nông thôn tận dụng thời gian nhàn rỗi tạo thêm thu nhập. Bên cạnh đó, cần tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp nông thôn và dịch vụ nông thôn để tạo giá trị gia tăng cho ngành nông nghiệp địa phương, đồng thời đa dạng hoá việc làm cho lao động nông thôn.

Hai là, tăng quy mô diện tích đất sản xuất của hộ gia đình. Đất là tư liệu sản xuất quan trọng nhất trong nông nghiệp. Chính sách về đất đai là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước từ trước đến nay nhằm đảm bảo cho nông dân đều có đất canh tác theo phương châm “Người cày có ruộng”. Nhà nước giao quyền sử dụng đất ổn định và lâu dài cho từng cá nhân và hộ gia đình để tạo thu nhập và ổn định kinh tế. Hơn nữa, nguồn quỹ đất có hạn, khó có thể mở rộng quy mô diện tích đất cho các hộ. Do đó, mở rộng diện tích đất nên theo hướng:

- Khuyến khích dịch chuyển lao động nông nghiệp qua các lĩnh vực phi nông nghiệp gắn với thế mạnh vùng biên giới, nhất là thương mại – dịch vụ, như vậy diện tích đất trên lao động của hộ sẽ tăng.

- Mặc dù diện tích không tăng thêm, nhưng giá trị tổng sản phẩm trên diện tích đất sẽ tăng nếu sử dụng đất có hiệu quả và áp dụng các mô hình sản xuất gắn với sản phẩm có giá trị gia tăng cao phù hợp với sinh thái và lợi thế vùng biên giới.

Một số giải pháp cụ thể như đầu tư và khai thác các hồ thủy lợi, củng cố, hoàn thiện và phát triển mạng lưới khuyến nông từ các huyện, xã đến thôn, ấp nhằm chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào nông nghiệp, cung cấp giống cây trồng và vật nuôi, vật tư, công cụ sản xuất nông nghiệp cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) để họ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập.

Ba là, khai thác kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của các hộ có thu nhập cao. Kinh nghiệm của các chủ hộ có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng đến thu nhập của hộ. Để phổ biến các kinh nghiệm này đến những hộ khác, cần có những chương trình tôn vinh hộ làm ăn giỏi, mở rộng hoạt động câu lạc bộ nông dân giỏi để giới thiệu kinh nghiệm làm ăn hiệu quả đến nông dân khác.

Bốn là, nâng cao trình độ học vấn cho lao động nông thôn. Trình độ học vấn có tác động đến thu nhập của hộ gia đình; chính vì thế, việc nâng cao trình độ sẽ góp phần tăng thu nhập cho hộ gia đình nông thôn. Muốn vậy, Nhà nước cần phải quan tâm đến những giải pháp sau:

- Quan tâm đến giáo dục mầm non, xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, hoàn thành phổ cập trung học cơ sở và tiến tới phổ cập trung học phổ thông ở những vùng biên giới.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách miễn, giảm học phí và một số chính sách ưu tiên cho học sinh ở các xã biên giới và học sinh đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo số lượng và chất lượng các trường, lớp học và giáo viên, từng bước thực hiện việc kiên cố hoá trường học.

- Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài và thực hiện hướng nghiệp dạy nghề trong học sinh phổ thông ở các xã vùng biên giới.

Năm là, giảm quy mô hộ gia đình. Số thành viên của hộ gia đình cao làm cho hộ thiếu tư liệu sản xuất, thiếu đất sản xuất, thiếu phương tiện và công cụ lao động dẫn đến thu nhập bình quân của hộ gia đình thấp. Tại các xã biên giới tỉnh Tây Ninh, trình độ dân trí tương đối thấp, người dân chưa có ý thức cao về sinh đẻ có kế hoạch nên cần quan tâm đến những giải pháp sau đây để từng bước giảm quy mô hộ gia đình tại địa phương:

- Thông qua công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao vai trò và nhận thức của phụ nữ, giúp họ có quyền bình đẳng trong gia đình để hạn chế phải sinh con thứ ba trở lên hoặc kéo dài thời gian giữa hai lần sinh con. Tích cực vận động và khuyến khích phụ nữ, nhất là phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động đoàn thể, Hội Liên hiệp Phụ nữ để trao đổi, học hỏi nhau kiến thức về sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình, kiến thức nuôi con khoẻ, dạy con ngoan, cách làm kinh tế gia đình... Đồng thời, đưa công tác tuyên truyền, giáo dục về dân số, kế hoạch hoá gia đình vào hệ thống trường học dạy cho các em học sinh phổ thông.

- Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần quan tâm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho phụ nữ nông thôn qua các lớp dạy nghề nông thôn. Đây là giải pháp làm cho chi phí cơ hội của việc sinh con tăng lên làm cho người phụ nữ sẽ cân nhắc thời điểm kết hôn và sinh con sau kết hôn, số lần sinh con và thời gian giữa hai lần sinh con.

Bên cạnh các giải pháp trên, Chính phủ nên quan tâm đến: (1) Ưu tiên phân bổ nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế như ODA, WB, IMF, ADB và NGOs cho các

dự án: (i) Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn: đường, điện, nước sạch, hệ thống thông tin liên lạc, vệ sinh môi trường; (ii) Phát triển doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, công nghiệp thâm dụng lao động và dịch vụ; và (iii) Chương trình đào tạo cho giáo viên, cán bộ phát triển nông thôn, cán bộ y tế cộng đồng vùng nông thôn biên giới; và (2) Ban hành cơ chế ưu đãi đặc biệt cho các tổ chức xã hội trong và ngoài nước thực hiện các dự án giải quyết việc làm cho người nghèo ở nông thôn, đóng góp cho phát triển cộng đồng ở các vùng biên giới.

Sáu là, do giới hạn nghiên cứu với số mẫu nhỏ và chỉ ở Tây Ninh nên không thể kết luận cho các vùng biên giới ở VN. Mô hình định lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập cần kiểm định với quy mô mẫu lớn đại diện cho các vùng biên giới ■

Phụ lục

Mô hình hồi quy phụ có dạng:

$$u^2 = a_0 + a_1X_1 + a_2X_2 + a_3X_3 + a_4X_4 + a_5X_5 + a_6X_6 + a_7X_7 + a_8X_8 + a_9X_9 + a_{10}X_{10} + a_{11}(X_1)^2 + a_{12}(X_2)^2 + a_{13}(X_3)^2 + a_{14}(X_4)^2 + a_{15}(X_5)^2 + a_{16}(X_6)^2 + a_{17}(X_7)^2 + a_{18}(X_8)^2 + a_{19}(X_9)^2 + a_{20}(X_{10})^2 + a_{21}(X_1 * X_2 * X_3 * X_4 * X_5 * X_6 * X_7 * X_8 * X_9 * X_{10}) + v(1)$$

Kết quả mô hình hồi quy phụ:

Model Summary ^b										
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Durbin-Watson
					R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change	
1	.290 ^a	.084	-.001	4.998	.084	.985	17	182	.476	2.035

a. Predictors: (Constant), TICHCEO, DADANGS, QMOHOS, HVANS, DTICHS, DTOCS, VAYS, PHUTHUOCS, KNNGHIEMS, NGHES, GTINHNS, So hoạt động đã đăng tạo thu nhập của họ, TỶ LE NGUOI SONG PHU THUOC (%), DIEN TICH DAT NONG NGHIEP CUA HO (M VUONG), SO NAM LAM VIEC CUA CHU HO (NAM), TRINH DO HOC VAN CUA CHU HO (NAM), SO NGUOI TRONG HO (NGUOI)

b. Dependent Variable: USQUARE

Với R² = 0,084 và số tham số của mô hình (df) là 17.

Biến phụ thuộc: U² (USQUARE)

Tài liệu tham khảo

- Barker, R. (2002), *Rural Development and Structural Transformation*, Fulbright Economics Teaching Program, University of Economics HCMC, Vietnam.
- Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh (2012), *Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh năm 2011*.
- Durbin, J., & Watson, G. S. (1951), "Testing for Serial Correlation in Least Squares Regression, II." *Biometrika* 38, 159–179.
- Đinh Phi Hồ (2008), *Kinh tế học nông nghiệp bền vững*, NXB Phương Đông, TP.HCM.
- Green, W.H. (2003), *Econometric Analysis*, Upper Saddle River NJ: Prentice-Hall. 9.
- Karttunen, K.A. (2009), *Rural Income Generation and Diversification: A Case Study in Eastern Zambia*, Rural Development Consultant, Finland.
- Park, S.S. (1992), *Tăng trưởng và phát triển*, Viện Nghiên cứu quản lý trung ương, Trung tâm thông tin – tư liệu, Hà Nội.
- Mankiw, N.G. (1998), *Principles of Economics* (1st ed.), Fort Worth, Texas: Dryden Press.
- Mincer, J.A. (1974), *Schooling, Experience, and Earnings*, National Bureau of Economic Research, Inc.
- Reardon, Thomas, Christopher, D., & Maltlon, P. (1992), “Determinants and Effects of Income Diversification amongst Farm Households in Burkina Faso”, *The Journal of Development Studies* 28(2):264 – 296.
- Schwarze, S. (2004), *Determinants of Income Generating Activities of Rural Households: A Quantitative Study in the Vicinity of the Lore-Lindu National Park in Central Sulawesi, Indonesia*, Institute of Rural Development, Georg-August University Göttingen, Germany.
- Scoones I. (1998), *Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis*, IDS Working Paper, Institute of Development Studies.
- Singh, I., Squire, L. & Strauss, J. (1986), *Agricultural Household Models: Extensions, Applications, and Policy*, Baltimore: Johns Hopkins University Press.
- Tabachnick, B.G. & Fidell, L.S. (1996), *Using Multivariate Statistics*, 3rd edition, New York: Harper Collins.
- Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg về việc ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn*, Hà Nội.
- Trương Châu (2013), *Các nhân tố tác động đến thu nhập hộ ở các xã biên giới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh*, Luận án thạc sĩ, Trường Đại học Mở TP.HCM

Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (2010), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, 2001 - 2010*.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (2011), *Báo cáo hoạt động của UBND tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2004-2011*.

White, H. (1980), “A Heterosdasticity Consistent Variance Matrix Estimator and a Direct Test of Heterosdasticity”, *Econometrica*, vol.48.